| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 142/2019/HNGĐ-ST
Ngày 13 - 8 - 2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Lê Anh Sơn

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Bà Nguyễn Thị Vân

Ông Doãn Văn Sáng

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa***: Bà Đặng Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 437/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Vũ Thị B; địa chỉ đăng ký thường trú: Thôn 1, xã GK, huyện NT, thành phố Hải Phòng; địa chỉ nơi ở hiện nay: Thôn 1, xã GK, huyện NT, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Công T; địa chỉ: Thôn 2, xã GK, huyện NT, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Vũ Thị B và anh Nguyễn Công T kết hôn với nhau vào năm 2012, trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã GK, huyện NT, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống

và việc làm kinh tế dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xích mích. Do mâu thuẫn nên vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2016 đến nay. Chị Vũ Thị B nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn anh Nguyễn Công T. Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Công Đ, sinh ngày 05 tháng 8 năm 2012 và Nguyễn Công V, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2014. Khi ly hôn chị Vũ Thị B để cho anh Nguyễn Công T nuôi con. Về cấp dưỡng cho con, chị Vũ Thị B không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ý kiến và đề nghị của bị đơn: Anh Nguyễn Công T trình bày đồng ý với trình bày của nguyên đơn về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn và thời gian phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp và vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2016 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nay nguyên đơn có đơn xin ly hôn, quan điểm của anh Nguyễn Công T là không muốn ly hôn. Về con chung: vợ chồng có 02 con chung và hiện nay 02 con chung đang ở cùng anh Nguyễn Công T như nguyên đơn trình bày là đúng. Nếu vợ chồng ly hôn, anh Nguyễn Công T xin được nuôi cả 02 con. Về cấp dưỡng cho con không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; đương sự là nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Vũ Thị B được ly hôn. Giao cho anh Nguyễn Công T trực tiếp nuôi cả 02 con. Về cấp dưỡng cho con và tài sản chung không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị Vũ Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án: Trích lục kết hôn bản sao số 696/TLKH-BS ngày 04 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xác định chị Vũ Thị B và anh Nguyễn Công T kết hôn với nhau vào ngày 07 tháng 05 năm 2012; trích lục khai sinh bản sao số 694/TLKS-BS và số 694/TLKS-BS cùng ngày 04 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương xác định vợ chồng có mâu thuẫn từ năm 2016, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp và vợ chồng ly thân nhau từ năm 2016 đến nay.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị B và anh Nguyễn Công T được xác lập vào năm 2012 là hợp pháp. Tài liệu chứng cứ thu thập được thể hiện quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp và vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2016 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận đề nghị của chị Vũ Thị B là phù hợp Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có có 02 con chung tên Nguyễn Công Đ, sinh ngày 05 tháng 8 năm 2012 và Nguyễn Công V, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2014. Khi ly hôn, anh Nguyễn Công T xin được nuôi con, chị Vũ Thị B đồng ý cho anh Nguyễn Công T nuôi cả 02 con. Vì vậy, giao con cho anh Nguyễn Công T nuôi là phù hợp Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng cho con, chị Vũ Thị B và anh Nguyễn Công T không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Vũ Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Chị Vũ Thị B được ly hôn anh Nguyễn Công T.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Công T trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Công Đ, sinh ngày 05 tháng 8 năm 2012 và Nguyễn Công V, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2014. Việc nuôi con được thực hiện cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi

ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002626 ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; chị Vũ Thị B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã GK, huyện NT;
- Đương sự;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Anh Sơn**